TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 8 – 2020
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Hoàng Việt.

2/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lý Thị Qual – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hướng, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2020/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34a/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Tấn H, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh S.

Bị đơn: Ông L, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Châu Tấn H trình bày:

Bà H với ông Lê H1 kết hôn với nhau năm 2000. Nhưng đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 80 ngày 28 tháng 3 năm 2006. Thời gian đầu hai người sống hạnh phúc đến tháng 05 năm 2019, hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H1 phát hiện bà H ngoại tình từ đó cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H1.

Trong quá trình chung sống bà H với ông H1 có ba con chung tên Lê Châu N, sinh ngày 11/4/2001; Lê Tuyết M, sinh năm 15/10/2002 và Lê Ánh V, sinh ngày 04/6/2010. Hiện các con đang sống cùng chị H.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà Châu Tấn H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về Hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lê H1.

- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chưa đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Riêng Lê Châu N đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 147/2020/TB-TLVA ngày 01 tháng 07 năm 2020, tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Lê H1 nhưng ông H1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Châu Tấn H. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông H1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H1 đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt ông H1, không tiến hành hòa giải được và ông H1 cũng không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa xét xử ông Lê H1 có mặt và có ý kiến như sau:

- Về Hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà Châu Tấn H do còn thương yêu vợ con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung. Yêu cầu Tòa án chia đôi.

- Về nợ chung: Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có nợ người khác. Yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Châu Tấn H ly hôn với ông Lê H1. Về con chung: Giao hai con chưa thành niên cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng Lê Châu N đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Bà Châu Tấn H vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Lê H1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà H với ông H1 là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà H ngoại tình và bị ông H1 phát hiện từ đó mặc dù hai người còn sống chung nhà nhưng ông H1 mất niềm tin

hoàn toàn từ bà H dẫn đến cuộc sống vợ chồng đi vào bế tắt. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1 là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Đối với ý kiến của ông Lê H1 trình bày tại Tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về hôn nhân: Ông H1 cho rằng vợ ông ngoại tình và chính ông là người trực tiếp phát hiện. Hiện nay cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mất niềm tin với nhau. Bà H có nhiều mối quan hệ ngoài xã hội phức tạp vì vậy ông phải theo dõi sát sao để bảo vệ. Ông H1 không đồng ý ly hôn và đưa ra nhiều lý do vừa mâu thuẫn vừa không thuyết phục để không đồng ý ly hôn. Do đó lời trình bày của ông H1 không được chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông H1 yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng yêu cầu này của ông đưa ra tại phiên tòa xét xử. Tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về quyền yêu cầu phản tố của bị đơn: *"Cùng với việc phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải"*. Ông H1 đã nhận đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông không thực hiện những quyền của mình theo như Thông báo của Tòa án. Hơn nữa ông H1 trình bày về tài sản chung không cụ thể và những tài sản mà ông nêu ra cả hai vợ chồng chưa đứng tên quyền sử dụng, quyền sở hữu theo luật định (vẫn do người khác đứng tên). Còn về nợ chung ông cũng không liệt kê chi tiết số tiền nợ cụ thể bao nhiêu, nợ ai, họ tên gì, địa chỉ của chủ nợ. Do đó Tòa án không chấp nhận yêu cầu và cũng không thể xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong cùng một vụ án được. Đối với tài sản chung và nợ chung Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Tuy nhiên sau khi nghe Hội đồng xét xử và vị đại diện Viện kiểm sát phân tích những điều luật quy định cũng như sự kiên quyết yêu cầu ly hôn của bà Châu Tấn H thì ông H1 đã thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà H cụ thể như sau:

- Về Hôn nhân: Ông Lê H1 đồng ý ly hôn với bà Châu Tấn H.

- Về con chung: Đồng ý giao hai con chưa thành niên cho bà Châu Tấn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà H yêu cầu nên bà H phải chịu theo luật định.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Bà Châu Tấn H với ông Lê H1 thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao hai cháu Lê Tuyết M, sinh năm 15/10/2002 và Lê Ánh V, sinh ngày 04/6/2010 cho bà Châu Tấn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông H1 không phải cấp dưỡng cho con. Ông H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông H1 lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H1. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Châu Tấn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0002200 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà H đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
- UBND xã T, huyện C, tỉnh C;
-Lưu HSVA.